Dhammapada E-V

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

Dhammapada E-V

This document is written in Vietnamese, with Unicode Times font

Dhammapada Sutta

(Khuddaka Nikaya - Sutta Pitaka)

The Path of Truth

English translation

by Bhikkhu Khantipalo & Sister Susanna

Sydney, Australia, 1993 Kinh Pháp Cú

Vietnamese translation

by Bhikkhu Thích Minh Châu

Sài Gòn, Việt Nam, 1996

I- Yamakavagga

Twin Verses Phẩm Song Yếu

1. Mind precedes all knowables,

mind's their chief, mind-made are they.

If with a corrupted mind

one should either speak or act

dukkha follows caused by that,

as does the wheel the ox's hoof. 1. Ý dẫn đầu các pháp,

Ý làm chủ, ý tạo;

Nếu với ý ô nhiễm,

Nói lên hay hành động,

Khổ não bước theo sau,

Như xe, chân vật kéo.

2. Mind precedes all knowables,

mind's their chief, mind-made are they.

If with a clear, and confident mind

one should speak and act

happiness follows caused by that,
as one's shadow ne'er departing. 2. Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình.
3. Who bears within them enmity:
"He has abused and beaten me,
defeated me and plundered me",
hate is not allayed for them. 3. Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi
Ai ôm hiềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.
4. Who bears within no enmity:
"He has abused and beaten me,
defeated me and plundered me",
hate is quite allayed for them. 4. Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi
Không ôm hiềm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi.
5. Never here by enmity
are those with enmity allayed,
they are allayed by amity,
this is the timeless Truth. 5. Với hận diệt hận thù,
Đời này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.
6. Still others do not understand
that we must perish in this world,

those who understand this,
their quarrels are allayed. 6. Và người khác không biết,
Chúng ta đây bị hại.
Chỗ ấy, ai hiểu được
Tranh luận được lắng êm.
7. One who beauty contemplates,
whose faculties are unrestrained,
in food no moderation knows,
is languid, who is indolent:
that one does Mara overthrow
as wind a tree of little strength. 7. Ai sống nhìn tịnh tướng,
Không hộ trì các căn,
ăn uống thiếu tiết độ,
biếng nhác, chẳng tinh cần.
Ma uy hiếp kẻ ấy,
như cây yếu trước gió.
8. One who foulness contemplates,
whose faculties are well-restrained,
in food does moderation know,
is full of faith, who's diligent:
that one no Mara overthrows,
as wind does not a rocky mount. 8. Ai sống quán bất tịnh,
Khéo hộ trì các căn,
ăn uống có tiết độ,
Có lòng tin, tinh cần,
Ma không uy hiếp được,
Như núi đá, trước gió.
9. One who wears the stainless robe
who's yet not free from stain,
without restraint and truthfulness

for the stainless robe's unfit. 9. Ai mặc áo cà sa. [1]
tâm chưa rời uế trược,
không tự chế, không thực,
không xứng áo cà sa
10. But one who is self-cleansed of stain,
in moral conduct firmly set,
having restraint and truthfulness
is fit for the stainless robe. 10. Ai rời bỏ uế trược,
giới luật khéo nghiêm trì,
tự chế, sống chơn thực,
thật xứng áo cà sa.
11. Conceiving the real in unreality
while seeing unreal the truly real,
roaming fields of thoughts ill-formed:
never they at the real arrive. 11. Không chân, tướng chân thật,
chân thật, thấy không chân:
chúng không đạt chân thật,
do tà tư, tà hạnh.
12. That which is real they know as real,
that unreal, to be unreal;
roaming fields of thought well-formed
they at the real arrive. 12. Chân thật, biết chân thật,
Không chân, biết không chân:
chúng đạt được chân thật,
do chánh tư, chánh hạnh.
13. Even as the rain does penetrate
a house that's badly thatched,
likewise lust does penetrate
the mind uncultivated. 13. Như mái nhà vụng lợp,
Mưa liền xâm nhập vào.

Cũng vậy tâm không tu,

Tham dục liền xâm nhập.

14. As rain does never penetrate

a house that is well-thatched,

so lust does never penetrate

the mind well cultivated. 14. Như ngôi nhà khéo lợp,

Mưa không xâm nhập vào.

Cũng vậy tâm khéo tu,

Tham dục không xâm nhập.

15. Here one grieves, one grieves hereafter,

in both ways does the evil-doer grieve;

one grieves and is afflicted,

one's own base kammas seeing. 15. Nay sầu, đời sau sầu,

Kẻ ác, hai đời sầu;

Nó sầu, nó ưu não,

Thấy nghiệp uế mình làm.

16. Here one joys, one joys hereafter,

in both ways does the merit-maker joy;

one joys and one rejoices,

one's own pure kammas seeing. 16. Nay vui,đời sau vui,

Làm phước, hai đời vui,

Nó vui, nó an vui,

Thấy nghiệp tịnh mình làm.

17. Here one burns, one burns hereafter,

in both ways does the evil-doer burn;

evil I've done, remorsefully one burns,

and more one burns passed to realms of woe. 17. Nay than, đời sau than,

Kẻ ác, hai đời than,

Nó than: 'Ta làm ác'

Đọa cõi dữ, than hơn.

18. Here one's glad, one's glad hereafter,
in both ways is the merit-maker glad;
"Merit I've made", serenely one is glad,
and more one's glad passed to blissful states. 18. Nay sướng, đời sau sướng,
Làm phước, hai đời sướng.
Nó sướng: 'Ta làm thiện',
Sanh cõi lành, sướng hơn.
19. Though many sacred texts he chants
the heedless man's no practicer,
as cowherd counting other's kine
in samanaship he has no share. 19. Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật;
Như kẻ chăn bò người,
Không phần Sa môn hạnh.
20. Though few of the sacred texts he chants
in Dhamma does his practice run,
clear of delusion, lust and hate,
wisdom perfected, with heart well-freed,
not clinging to this or other world,
in samanaship he has a share 20. Dầu nói ít kinh điển,
Nhưng hành pháp, tùy pháp,
Từ bỏ tham, sân, si,
Tĩnh giác, tâm giải thoát,
Không chấp thủ hai đời,
Dự phần Sa môn hạnh.
Chú thích :
[1] Áo màu vàng, chỉ bậc xuất gia.
[Mục lục][Phẩm kế]
[Thư mục Việt ngữ] [BuddhaSasana Main Page]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.